

(Trích)

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- Cảm nhận được vẻ đẹp đa dạng của con sông Đà vừa "hung bạo" vừa "trữ tình" cùng hình ảnh giản dị mà kì vĩ của người lái đò trên dòng sông ấy. Từ đó, thấy được tình yêu, sự đắm say của Nguyễn Tuân trước thiên nhiên và con người lao động ở miền Tây Bắc của Tổ quốc.
- Hiếu và yếu mền tài năng nghệ thuật độc đáo của nhà văn được thể hiện trên những trang tùy bút.

TIỂU DẪN

Người lái đò Sông Đà là bài tùy bút được in trong tập *Sông Đà* (1960) của Nguyễn Tuân.

Sông Đà là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi, không chỉ để thoả mãn cái thú tìm đến những miền đất lạ cho thoả niềm khát khao "xê dịch", mà chủ yếu để tìm kiếm chất vàng của thiên nhiên cùng "thứ vàng mười đã qua thử lửa" ở tâm hồn của những con người lao động và chiến đấu trên miền núi sông hùng vĩ và thơ mộng đó. Vì thế, *Sông Đà* nói chung và bài tùy bút *Người lái đò Sông Đà* nói riêng cho ta nhận ra diện mạo của một nhà văn Nguyễn Tuân mới mẻ, khát khao được hoà nhịp với đất nước và cuộc đời này, không giống với Nguyễn Tuân trước Cách mạng tháng Tám, con người chỉ muốn xê dịch cho khuây cảm giác "thiếu quê hương".

Sông Đà nói chung và *Người lái đò Sông Đà* nói riêng còn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật độc đáo của Nguyễn Tuân : uyên bác, tài hoa, không quản nhọc nhằn để cố gắng khai thác kho cảm giác và liên tưởng phong phú, bộn bề, nhằm tìm cho ra những chữ nghĩa xác đáng nhất, có khả năng làm lay động người đọc nhiều nhất.

(1) Về tác giả Nguyễn Tuân, xem phần *Tiểu dẫn* bài *Chữ người tử tù*, SGK Ngữ văn 11, tập một.

VĂN BẢN

“Đẹp vậy thay, tiếng hát trên dòng sông”

Wladyslaw Broniewski⁽¹⁾

“Chúng thủy giai đông tấu – Đà giang độc bắc lưu”⁽²⁾

(Lược đoạn đầu : Tác giả trình bày mục đích chuyến đi thực tế Tây Bắc và sông Đà của mình chủ yếu là để tìm hiểu những con người ở đây mà ông gọi “thủ vàng mười đã qua thử lửa” của cách mạng và kháng chiến, hiện nay đang góp phần vào việc kiến thiết Tây Bắc. Tiếp đó, tác giả giới thiệu tài trí tuyệt vời của những người lái đò sông Đà trong nghệ thuật vượt thác leo ghềnh và liệt kê một loạt con thác sông Đà từ Vạn Yên về xuôi, trong đó có những con thác vô cùng “độc dữ, nham hiểm”. Đáng sợ nhất là những cái hút nước “xoáy tít đáy” giữa lòng sông từng chìm xuống và xé tan tác những bè gỗ, những con thuyền vô ý bị nó lôi tuột xuống...)

Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ⁽³⁾ mới có mặt trời. Có vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện.

Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt⁽⁴⁾ bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất⁽⁵⁾ tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.

Lại như quãng Tà Mường Vát phía dưới Sơn La. Trên sông bỗng có những cái hút nước giống như cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu. Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc. Trên mặt cái hút xoáy tít đáy, cũng đang quay lừ lừ những cánh quạt đàn. Không thuyền nào dám men gần những cái hút nước ấy, thuyền nào qua cũng chèo nhanh để

(1) Wladyslaw Broniewski (Vla-đi-xláp Brô-ni-ép-xki, 1897 – 1962) : nhà thơ cách mạng Ba Lan.

(2) Chúng thủy giai đông tấu – Đà giang độc bắc lưu : Mọi dòng sông đều chảy về hướng đông – Chỉ có sông Đà chảy theo hướng bắc (thơ Nguyễn Quang Bích).

(3) Đứng ngọ : giữa trưa.

(4) Đòi nợ xuýt : đòi người không mắc nợ mình một cách vô lí.

(5) Khinh suất : không thận trọng.

lướt quãng sông, y như là ô tô sang số ấn ga cho nhanh để vút qua một quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực. Chèo nhanh và tay lái cho vững mà phóng qua cái giếng sâu, những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào. Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống. Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị chìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mười phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông⁽¹⁾ dưới. Tôi sợ hãi mà nghĩ đến một anh bạn quay phim táo tợn nào muốn truyền cảm giác lạ cho khán giả, đã dùng cảm dấm ngồi vào một cái thuyền thúng tròn vành rồi cho cả thuyền cả mình cả máy quay xuống đáy cái hút Sông Đà – từ đáy cái hút nhìn ngược lên vách thành hút mặt sông chênh nhau tới một cột nước cao đến vài sải. Thế rồi thu ảnh. Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược *contre-plongée*⁽²⁾ lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem. Cái phim ảnh thu được trong lòng giếng xoay tít đáy, truyền cảm lại cho người xem phim kí sự thấy mình đang lách gân ngồi giữ chặt ghế như ghì lấy mép một chiếc lá rừng bị vút vào một cái cốc pha lê nước khổng lồ vừa rút lên cái gậy đánh phèn.

Cuộc sống của người lái đò Sông Đà quả là một cuộc chiến đấu hằng ngày với thiên nhiên, một thứ thiên nhiên Tây Bắc có nhiều lúc trông nó thành ra diện mạo và tâm địa một thứ kẻ thù số một. Nhìn cái thiên nhiên ấy, có những lúc thấy nó không “thơ đời Đường” nhàn hạ, mà thấy nó chính là một cuộc đấu tranh với thiên nhiên để giành sự sống từ tay nó về tay mình. Tôi xin ghi ở đoạn này cái hình ảnh chiến đấu gian lao của người lái đò trên chiến trường Sông Đà, trên một quãng thủy chiến ở mặt trận Sông Đà.

... Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo. Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông⁽³⁾ rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da

(1) *Khuỷnh sông*: chỗ sông gấp khúc, uốn quanh lại.

(2) *Contre-plongée* (tiếng Pháp đọc là *công-tơ-rơ-plông-giê*): thuật ngữ điện ảnh, có nghĩa là quay ngược ống kính lên mà ghi hình.

(3) *Phá tuông*: phá để thoát ra.

cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi. Ngoặt khúc sông lượn, thấy sóng bọt đã trắng xoá cả một chân trời đá. Đá ở đây từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông, hình như mỗi lần có chiếc thuyền nào xuất hiện ở quãng ầm ầm mà quạnh hiu này, mỗi lần có chiếc nào nhô vào đường ngoặt sông là một số hòn bèn nhổm cả dậy để vỗ lấy thuyền. Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhăn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này. Mặt sông rung rít lên như tuyền-bin thuỷ điện⁽¹⁾ nơi đáy hầm đập. Mặt sông trắng xoá càng làm bật rõ lên những hòn những tảng mới trông tưởng như nó đứng nó ngồi nó nằm tùy theo sở thích tự động của đá to đá bé. Nhưng hình như Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận⁽²⁾ trên sông. Đám tảng đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn. Hàng tiền vệ, có hai hòn canh một cửa đá trông như là sơ hở, nhưng chính hai đứa giữ vai trò dụ cái thuyền đối phương đi vào sâu nữa, vào tận tuyến giữa rồi nước sóng luồng mới đánh khuỷu quạt vu hồi⁽³⁾ lại. Nếu lọt vào đây rồi mà cái thuyền du kích ấy vẫn chọc thủng được tuyến hai, thì nhiệm vụ của những boong-ke⁽⁴⁾ chìm và pháo đài đá nổi ở tuyến ba phải đánh tan cái thuyền lọt lưới đá tuyến trên, phải tiêu diệt tất cả thuyền trưởng thuỷ thủ ngay ở chân thác. Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vụt tới. Phối hợp với đá, nước thác reo hò làm thanh viện⁽⁵⁾ cho đá, những hòn đá bệ vệ oai phong lẫm liệt. Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hát hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến. Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào. Ông đồ hai tay giữ mái chèo khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình. Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gãy cán chèo võ khí trên cánh tay mình. Sóng nước như thể quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đồ vật túm thắt lưng ông đồ đòi lật ngửa mình ra

(1) *Tuyền-bin* (phiên âm từ tiếng Pháp *turbine*) *thuỷ điện* : máy quay phát điện, quay nhờ sức nước chảy.

(2) *Thạch trận* : trận địa xếp bằng đá. Tác giả tưởng tượng đá sông Đà bày thành trận để đón đánh người lái đò.

(3) *Vu hồi* : quay lại, đánh quạt trở lại.

(4) *Boong-ke* (phiên âm từ tiếng Pháp *bunker*) : một kiểu lô cốt kiên cố của quân Pháp, thường xây chìm.

(5) *Thanh viện* : khích lệ, cổ vũ bằng âm thanh.

giữa trận nước vang trời thanh la nã bạt⁽¹⁾. Sóng thác đã đánh đến miếng đòn hiểm độc nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí⁽²⁾ ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò [...]. Mặt sông trong tích tắc loà sáng lên như một cửa bể đom đóm rùng ùa xuống mà châm lửa vào đầu sóng. Nhưng ông đò cố nén vết thương, hai chân vẫn kẹp chặt lấy cuống lái, mặt méo bệch đi như cái luồng sóng đánh hồi lùng⁽³⁾, đánh đòn tĩa, đánh đòn âm⁽⁴⁾ vào chỗ hiểm. Tăng thêm mãi lên tiếng hõn chiến của nước của đá thác. Nhưng trên cái thuyền sáu bơi chèo, vẫn nghe rõ tiếng chỉ huy ngắn gọn tỉnh táo của người cầm lái. Vậy là phá xong cái trùng vi⁽⁵⁾ thạch trận vòng thứ nhất. Không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đối luôn chiến thuật. Ông lái đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Ông đã thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước⁽⁶⁾ hiểm trở này. Vòng đầu vừa rồi, nó mở ra năm cửa trận, có bốn cửa tử một cửa sinh, cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn⁽⁷⁾ sông. Vòng thứ hai này tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào, và cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn. Cuối lên thác Sông Đà, phải cuời đến cùng như là cuời hổ. Dòng thác hùng beo đang hồng hộc té mạnh⁽⁸⁾ trên sông đá. Nắm chặt lấy được cái bờm sóng đúng luồng rồi, ông đò ghi cương lái, bám chắc lấy luồng nước đúng mà phóng nhanh vào cửa sinh, mà lái miết một đường chéo về phía cửa đá ấy. Bốn năm bọn thủy quân của ải nước bên bờ trái liền xô ra định níu thuyền lôi vào tập đoàn cửa tử. Ông đò vẫn nhớ mặt bọn này, đưa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đưa thì ông đề sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến. Những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền. Chỉ còn vẳng reo tiếng hò của sóng thác luồng sinh. Chúng vẫn không ngớt khiêu khích, mặc dầu cái thàng đá tướng đứng chiến ở cửa vào đã tiu ngiêu cái mặt xanh lè thất vọng thua cái thuyền đã đánh trúng vào cửa sinh nó trán lầy. Còn một trùng vây thứ ba nữa. Ít cửa hơn, bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sóng ở chặng ba

(1) *Thanh la nã bạt* : hai nhạc cụ bộ gõ, bằng đồng (còn gọi là phèng la, chũm chọe) tạo âm thanh náo nhiệt, tung bùng.

(2) *Vô sở bất chí* : không nơi nào không đến được, không biết thế nào là cùng.

(3) *Hồi lùng* : đòn đập.

(4) *Đòn âm* : đòn ngầm.

(5) *Trùng vi* : vòng vây có nhiều lớp.

(6) *Ái nước* : chỗ dòng nước thất lại, chảy xiết. (Tác giả hình dung đấy như một cửa ải.)

(7) *Tả ngạn* (*tả* : bên trái ; *ngạn* : bờ) : bờ bên trái dòng sông, theo hướng từ nguồn ra biển.

(8) *Té mạnh* : phi nhanh, lao mạnh.

này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác. Cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó. Thuyền vút qua cổng đá cánh mở cánh khép. Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được lượn được. Thế là hết thác. Dòng sông vặn mình vào một cái bến cát có hang lạnh. Sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ. Sông nước lại thanh bình. Đêm ấy nhà đồ đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam⁽¹⁾ và toàn bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh⁽²⁾, về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi cá tủa ra đầy tràn ruộng. Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi. Cuộc sống của họ là ngày nào cũng chiến đấu với Sông Đà dữ dội, ngày nào cũng giành lấy cái sống từ tay những cái thác, nên nó cũng không có gì là hồi hộp đáng nhớ... Họ nghĩ thế, lúc ngừng chèo.

Trên Sông Đà, thỉnh thoảng có tàu bay lượn vòng ở quãng này ở quãng khác, có lẽ để chỉnh lí về bản đồ đất nước Tổ quốc. Tôi nghĩ nếu sau này làm phim truyện hoặc phim kí sự (tôi không muốn dùng mấy chữ *phim tài liệu*) màu về Sông Đà, nếu muốn phản ánh lên cái dữ tợn và cái lớn của Sông Đà của thác Sông Đà, cũng phải đưa ống quay phim lên tàu bay. Cho bay là là trên thác mà gi máy xuống mà lượn ống máy theo những luồng sinh của thác, trên thác hiện ngang một người lái đồ Sông Đà có tự do, vì người lái đồ ấy đã nắm được cái quy luật tất yếu của dòng nước Sông Đà.

Tôi có bay tạt ngang qua Sông Đà mấy lần, và thấy đó cũng là thêm cho mình một góc độ nhìn một cách nhìn về con sông Tây Bắc hung bạo và trữ tình. Từ trên tàu bay mà nhìn xuống Sông Đà, không ai trong tàu bay nghĩ rằng cái dây thừng ngoằn ngoèo dưới chân mình kia lại chính là cái con sông hàng năm và đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc và phản ứng giận dữ vô tội vạ với người lái đồ Sông Đà. Cũng không ai nghĩ rằng đó là con sông của câu đồng dao thần thoại Sơn Tinh Thủy Tinh “Núi cao sông hãy còn dài – Năm năm báo oán đời đời đánh ghen”. Hình như khi mà ta đã quen đọc bản đồ sông núi, thì mỗi lúc ngồi tàu bay trên chiều cao mà nhìn xuống đất nước Tổ quốc bao la, càng thấy quen thuộc với từng nét sông tãi ra

(1) *Cơm lam* : cơm nấu bằng cách cho gạo vào ống tre hoặc nứa tươi rồi nướng cho chín.

(2) *Cá anh vũ, cá dầm xanh* : hai loại cá quý hiếm, thịt rất ngon, thường sống ở những quãng sông chảy qua vùng núi đá hoặc trung du.

trên đại dương đá lờ lờ bóng mây dưới chân mình. Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về. Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là *đen*⁽¹⁾ như thực dân Pháp đã đề ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu, rồi cứ thế mà phiết vào bản đồ lai chữ.

Con Sông Đà gọi cảm. Đối với mỗi người, Sông Đà lại gọi một cách. Đã có lần tôi nhìn Sông Đà như một cố nhân. Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chõ thoáng. Mãi bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà. Xuống một cái dốc núi, trước mắt thấy loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy. Tôi nhìn cái miếng sáng loé lên một màu nắng tháng ba Đường thi “Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu”⁽²⁾. Bờ Sông Đà, bãi Sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên Sông Đà. Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nới lại chiêm bao đứt quãng. Đi rừng dài ngày rồi lại bắt ra Sông Đà, đúng thế, nó đầm đầm ẩm ẩm như gặp lại cố nhân, mặc dầu người cố nhân ấy mình biết là lắm bệnh lắm chướng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bản tính và gắt gỏng thác lũ ngay đấy.

Thuyền tôi trôi trên Sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lí đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Chao ôi, thấy thèm được giạt mình vì một tiếng còi xúp-lê⁽³⁾ của một chuyến xe lửa đầu tiên đường

(1) *Sông Đà là đen* : người Pháp gọi sông Đà là sông Đen (Rivière Noire).

(2) *Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu* : Xuôi (thuyền) về Dương Châu giữa tháng ba, mùa hoa khói (câu thơ của Lí Bạch trong bài *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng*).

(3) *Còi xúp-lê* (tiếng Pháp *siffler* : cái còi) : tiếng còi báo hiệu của tàu bè hoặc của nhà máy.

sắt Phú Thọ – Yên Bái – Lai Châu. Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhưng khỏi áng cổ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò. Hươu vểnh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành : “Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”. Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi. Tiếng cá đập nước sông đuổi mất đàn hươu vọt biển. Thuyền tôi trôi trên “Dải Sông Đà bọt nước lênh bênh – Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình” của “một người tình nhân chưa quen biết” (Tản Đà). Dòng sông quăng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc. Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi, và con sông đang trôi những con đò mình nở chạy buồm vải nó khác hẳn những con đò đuôi én thắt mình dây cổ điển trên dòng trên.

(Lược đoạn cuối : Tác giả cung cấp những thông tin về lịch sử, địa lí của sông Đà và lịch sử đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Tây Bắc, từ cuộc chiến đấu dưới lá cờ Cần vương của Chánh sứ sơn phòng Nguyễn Quang Bích “Lòng trung không nở bỏ Tây Châu – Giữ lấy Thao, Đà dải thượng lưu”, từ cuộc nổi dậy của năm trăm phu vận tải người Thái chờ thóc kho cho thực dân Pháp đã dùng mái chèo đánh lính áp tải, cướp thóc kho và đi theo Việt Minh, đến phong trào đấu tranh trong lòng địch của đồng bào các dân tộc Tây Bắc thời kháng chiến chín năm... Cuối cùng, tác giả trở về hiện tại, báo tin vui về kế hoạch cải tạo sông Đà sắp được khởi công, bắt con sông hung dữ phải phục vụ cho cuộc sống của nhân dân Tây Bắc.)

1960

*(Nguyễn Tuân toàn tập, tập IV,
NXB Văn học, Hà Nội, 2000)*

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Chứng minh rằng Nguyễn Tuân đã quan sát công phu và tìm hiểu kĩ càng khi viết về sông Đà và người lái đò sông Đà.
2. Trong thiên tùy bút, tác giả đã dùng những biện pháp nghệ thuật nào để khắc hoạ được một cách ấn tượng hình ảnh của một con sông Đà hung bạo ?
3. Cách viết của nhà văn đã thay đổi thế nào khi chuyển sang biểu hiện sông Đà như một dòng chảy trữ tình ?
4. Phân tích hình tượng người lái đò trong cuộc chiến đấu với con sông hung dữ. Từ đó, hãy cất nghĩa vì sao, trong con mắt của Nguyễn Tuân, thiên

nhiên Tây Bắc quý như vàng, nhưng con người Tây Bắc mới thật xứng đáng là vàng mười của đất nước ta.

5. Chọn phân tích một số câu văn thể hiện rõ nhất nét tài hoa về bút pháp trong cách sử dụng ngôn ngữ của Nguyễn Tuân.

GHI NHỚ

- *Người lái đò Sông Đà* là một áng văn đẹp được làm nên từ tình yêu đất nước say đắm, thiết tha của một con người muốn dùng văn chương để ca ngợi vẻ đẹp vừa kì vĩ, hào hùng, vừa trữ tình, thơ mộng của thiên nhiên, và nhất là của con người lao động bình dị ở miền Tây Bắc.
- Tác phẩm còn cho thấy công phu lao động nghệ thuật khó nhọc, cùng sự tài hoa, uyên bác của người nghệ sĩ Nguyễn Tuân trong việc dùng chữ nghĩa để tái tạo những kì công của tạo hoá và những kì tích lao động của con người.

LUYỆN TẬP

1. Tìm đọc trọn vẹn tùy bút *Người lái đò Sông Đà*.
2. Phân tích và phát biểu cảm nghĩ về một đoạn văn khiến anh (chị) thấy yêu thích, say mê nhất trong thiên tùy bút.